



Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 2500552524

ngày 25 tháng 9 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2500552524 ngày 6 tháng 4 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Văn Mỹ	Chủ tịch
Ông Đinh Quốc Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Đại	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Vinh	Thành viên (từ 20/4/2026)
Ông Segura Tomas Alejandro	Thành viên (từ 20/4/2026)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Quốc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Đại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Giám đốc nhà máy
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Giám đốc dự án

Trụ sở đăng ký

Lô 1, KCN Thái Hòa – Liễn Sơn – Liên Hòa
Xã Liên Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đinh Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 19 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được soát xét.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00251-26-1



Wang Ton Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2023-007-1

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		2.747.589.284.368	3.094.848.514.699
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	97.343.548.286	264.558.959.519
Tiền	111		60.708.830.190	21.251.325.636
Các khoản tương đương tiền	112		36.634.718.096	243.307.633.883
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10(a)	1.002.126.782.539	904.329.115.938
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		1.002.126.782.539	904.329.115.938
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		868.128.144.830	1.113.337.464.444
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	834.452.545.128	1.076.481.633.788
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	49.222.018.489	51.624.554.671
Phải thu ngắn hạn khác	135	13	23.465.361.525	22.125.525.246
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	14	(39.077.501.282)	(36.894.249.261)
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		65.720.970	-
Hàng tồn kho	140	15	678.060.914.288	676.193.878.128
Hàng tồn kho	141		699.499.254.919	695.386.911.661
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(21.438.340.631)	(19.193.033.533)
Tài sản ngắn hạn khác	160		101.929.894.425	136.429.096.670
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	19(a)	24.207.733.152	19.943.316.045
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		66.288.159.507	105.886.181.742
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	23	11.434.001.766	10.599.598.883

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260 + 270)	200		1.484.724.003.206	1.561.253.235.906
Tài sản cố định	220		499.399.903.135	529.110.575.933
Tài sản cố định hữu hình	221	16	473.262.544.911	502.166.993.545
Nguyên giá	222		1.600.393.222.182	1.563.578.713.419
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.127.130.677.271)	(1.061.411.719.874)
Tài sản cố định vô hình	227	17	26.137.358.224	26.943.582.388
Nguyên giá	228		36.809.161.440	36.414.161.440
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.671.803.216)	(9.470.579.052)
Tài sản dở dang dài hạn	250		376.653.001.674	309.235.761.983
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	18	376.653.001.674	309.235.761.983
Đầu tư tài chính dài hạn	260		593.802.383.087	715.800.000.000
Đầu tư vào công ty con	261	10(b)	553.500.000.000	553.500.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	10(b)	(4.997.616.913)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	10(a)	45.300.000.000	162.300.000.000
Tài sản dài hạn khác	270		14.868.715.310	7.106.897.990
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	19(b)	8.266.025.689	3.582.608.512
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	20	6.602.689.621	3.524.289.478
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		4.232.313.287.574	4.656.101.750.605

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.440.124.660.388	3.155.765.117.465
Nợ ngắn hạn	310		2.440.124.660.388	3.092.465.117.374
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	440.023.394.213	1.073.984.101.348
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	1.359.964.837	2.873.352.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	23	72.410.619.830	190.764.858.323
Phải trả người lao động	315		14.572.704.530	46.844.641.623
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	24	37.431.496.648	36.016.878.113
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		8.333.332	25.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	25	3.599.776.266	11.909.828.111
Vay ngắn hạn	321	26	1.870.718.370.732	1.730.046.457.856
Nợ dài hạn	330		-	63.300.000.091
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	22	-	63.300.000.091
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	27	1.792.188.627.186	1.500.336.633.140
Vốn cổ phần	411	28	1.444.568.110.000	1.070.050.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.444.568.110.000	1.070.050.530.000
Thặng dư vốn	412		(1.540.890.600)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		349.161.407.786	430.286.103.140
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	420a		55.768.523.140	-
- LNST kỳ này	420b		293.392.884.646	430.286.103.140
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.232.313.287.574	4.656.101.750.605

Phê duyệt, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Người lập



Đặng Thị Hương
Người lập

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Nga
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	3.033.228.040.095	2.762.863.491.301
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	60.355.665.833	83.235.641.272
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	2.972.872.374.262	2.679.627.850.029
Giá vốn hàng bán	11	32	2.443.026.520.516	2.130.587.624.640
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		529.845.853.746	549.040.225.389
Doanh thu hoạt động tài chính	22	33	83.173.131.193	76.920.757.412
Chi phí tài chính	23	34	61.684.262.116	40.577.151.620
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		<i>48.337.414.064</i>	<i>27.725.444.318</i>
Chi phí bán hàng	25	35	137.631.325.936	109.797.721.548
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	57.412.020.237	42.557.252.490
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		356.291.376.650	433.028.857.143
Thu nhập khác	31	37	6.535.170.484	507.882.265
Chi phí khác	32	38	172.471.767	4.397.716.328
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		6.362.698.717	(3.889.834.063)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		362.654.075.367	429.139.023.080
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	72.339.590.864	93.869.546.553
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	40	(3.078.400.143)	(8.695.840.309)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		293.392.884.646	343.965.316.836

Phê duyệt, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Người lập



Đặng Thị Hương
Người lập

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Nga
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		362.654.075.367	429.139.023.080
Khấu hao TSCĐ	02		68.088.512.385	67.738.924.167
Các khoản dự phòng	03		9.426.176.032	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.456.386.587)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(67.391.314.672)	(40.184.647.478)
Chi phí đi vay	06		48.337.414.064	27.725.444.318
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		418.658.476.589	484.418.744.087
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		265.127.485.505	78.450.508.202
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.112.343.258)	122.490.798.256
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(595.044.019.044)	(303.842.195.552)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(8.947.834.284)	(2.816.519.464)
			75.681.765.508	378.701.335.529
Chi phí đi vay đã trả	14		(47.933.922.975)	(28.614.502.152)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(181.113.123.527)	(190.890.952.062)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(153.365.280.994)	159.195.881.315
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(235.871.036.443)	(61.982.310.697)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		415.711.279	2.543.180.138
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(896.057.795.059)	(446.048.508.470)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		911.205.844.488	401.322.640.258
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.107.737.015	52.026.504.129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(157.199.538.720)	(52.138.494.642)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi từ phát hành cổ phiếu	31		(1.540.890.600)	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.097.530.783.490	2.108.778.405.733
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.952.564.530.585)	(1.800.884.774.321)
Cổ tức đã trả	36		-	(508.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		143.425.362.305	(200.106.368.588)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(167.139.457.409)	(93.048.981.915)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		264.558.959.519	481.365.821.791
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(75.953.824)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	97.343.548.286	388.316.839.876

Phê duyệt, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Người lập



Đặng Thị Hương
 Người lập

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Nga
 Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Quốc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, từ plastic;
- Mua bán vật liệu xây dựng, sản phẩm ngành nhựa và hóa chất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh theo quy định của pháp luật.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 3 công ty con (1/1/2026: 3 công ty con) được liệt kê trong Thuyết minh số 10.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 1.230 nhân viên (1/1/2026: 1.302 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả tại Thuyết minh 3.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình mua bán thực tế của ngân hàng phát sinh giao dịch tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) (một phần của) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	1 – 8 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh để có được quyền sử dụng đất bao gồm chi phí đền bù, giải phóng, san lấp mặt bằng và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định pháp luật hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định (“TSCĐ”) bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian không quá 3 năm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(j) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(k) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu. Các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận tại thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp hoặc hoàn thành, phụ thuộc vào bản chất của loại hình dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới các Công ty con của Công ty, các nhà đầu tư có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến Công ty và các công ty khác do nhà đầu tư này trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết đủ để thực hiện quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với các doanh nghiệp đó.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

7. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tiền mặt	539.575.168	109.451.301
Tiền gửi không kỳ hạn	60.169.255.022	21.141.874.335
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên	14.650.214.614	6.056.248.572
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	12.690.138.295	4.063.545.075
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	9.643.804.533	2.875.004.991
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	9.149.347.263	7.438.615.613
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	8.685.289.100	88.973.298
Các ngân hàng còn lại	5.350.461.217	619.486.786
Các khoản tương đương tiền (*)	36.634.718.096	243.307.633.883
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	36.634.718.096	96.949.640.732
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên	-	99.937.520.548
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	46.420.472.603
	97.343.548.286	264.558.959.519

(*) Là các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng mức lãi suất 6,8% (1/1/2026: 4,3% đến 4,75%) một năm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – CN Vĩnh Phúc	707.996.164.459	707.996.164.459	278.083.152.145	278.083.152.145
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	176.829.996.043	176.829.996.043	37.650.316.256	37.650.316.256
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Phúc	159.663.813.151	159.663.813.151	158.067.754.246	158.067.754.246
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam- Chi nhánh Vĩnh Phúc	144.550.958.502	144.550.958.502	60.551.452.055	60.551.452.055
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	126.589.616.440	126.589.616.440	-	-
Các ngân hàng khác	100.361.780.323	100.361.780.323	17.118.487.671	17.118.487.671
▪ Trái phiếu				
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	-	4.695.141.917	4.695.141.917
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	87.411.783.832	87.411.783.832	559.640.520.776	559.640.520.776
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	86.815.187.393	86.815.187.393	179.263.933.427	179.263.933.427
▪ Phải thu về cho vay	596.596.439	596.596.439	243.295.891	243.295.891
Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn - Công ty con	-	-	380.133.291.458	380.133.291.458
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Hera - Công ty con	206.718.834.248	206.718.834.248	66.605.443.017	66.605.443.017
Cán bộ nhân viên	81.000.000.000	81.000.000.000	61.000.000.000	61.000.000.000
	120.739.726.027	120.739.726.027	-	-
	4.979.108.221	4.979.108.221	5.605.443.017	5.605.443.017
	1.002.126.782.539	1.002.126.782.539	904.329.115.938	904.329.115.938

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND
			Đã phân loại lại	Đã phân loại lại
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu	12.000.000.000	12.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>
▪ Phải thu về cho vay	33.300.000.000	33.300.000.000	153.300.000.000	153.300.000.000
<i>Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera - Công ty con</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>120.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn - Công ty con</i>	<i>33.300.000.000</i>	<i>33.300.000.000</i>	<i>33.300.000.000</i>	<i>33.300.000.000</i>
	45.300.000.000	45.300.000.000	162.300.000.000	162.300.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ 382.812 triệu VND (1/1/2026: 253.413 triệu VND) và trái phiếu có giá trị ghi sổ 95.583 triệu VND (1/1/2026: 157.118 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty con

	30/6/2026				1/1/2026			
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con								
	▪ Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn	99,83%	299.500.000.000	-	299.500.000.000	99,83%	299.500.000.000	-
	▪ Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera	51%	204.000.000.000	-	204.000.000.000	51%	204.000.000.000	-
	▪ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT	100%	50.000.000.000	(4.997.616.913)	45.002.383.087	100%	50.000.000.000	-
			553.500.000.000	(4.997.616.913)	548.502.383.087		553.500.000.000	-

HỒ TÀI CHÍNH
 M
 NH
 VG
 204
 05
 0A
 NG
 Ồ
 05

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Bên liên quan – các công ty con		
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT (*)	226.883.281.312	245.115.460.575
Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn	81.889.630.143	81.018.371
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera (**)	42.023.611.416	92.101.742.898
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu nhựa	41.196.209.714	1.960.354.827
Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh	1.723.218.000	11.491.702.875
Công ty Cổ phần Đầu tư Amane	23.615.144	23.883.424
Bên khác		
Novalis International Limited	388.208.654.253	660.215.545.871
Các công ty khác	52.504.325.146	65.491.924.947
	834.452.545.128	1.076.481.633.788

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 834.453 triệu VND (1/1/2026: 1.076.481 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay, bảo lãnh và tài trợ thương mại của Công ty.

Khoản phải thu từ các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán từ 180 đến 360 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(*) Đây là các khoản phải thu khách hàng phát sinh từ hoạt động ủy thác xuất khẩu và hoạt động bán hàng trong nước giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT, trong đó Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 37.625 triệu VND cho một số khoản phải thu khó đòi liên quan đến hoạt động ủy thác xuất khẩu (1/1/2026: 35.442 triệu VND)) cho các khách hàng mua cuối cùng theo quy định hiện hành (Thuyết minh 14).

(**) Đây là các khoản phải thu khách hàng phát sinh từ hoạt động ủy thác xuất khẩu và hoạt động bán hàng trong nước giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera, trong đó Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 312 triệu VND cho một số khoản phải thu khó đòi liên quan đến hoạt động ủy thác xuất khẩu (1/1/2026: 312 triệu VND)) cho các khách hàng mua cuối cùng theo quy định hiện hành (Thuyết minh 14).

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

12. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Bên liên quan – các công ty con		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera	10.768.115.094	12.503.523.305
Bên khác		
Công ty TNHH VNS An Tâm	5.962.402.152	1.811.160.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí An Dương	5.906.041.803	1.113.497.658
Nhà cung cấp khác	26.585.459.440	36.196.373.708
	49.222.018.489	51.624.554.671

13. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Phải thu khoản giải phóng mặt bằng theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần Đầu tư Amane (*)	12.672.950.223	12.672.950.223
Đặt cọc tiền thuê cơ sở hạ tầng với Công ty Cổ phần Đầu tư Amane	2.106.651.000	2.106.651.000
Tạm ứng	1.234.317.614	636.673.614
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	524.230.294	30.167.367
Phải thu khác	6.927.212.394	6.679.083.042
	23.465.361.525	22.125.525.246

- (*) Từ năm 2016 đến năm 2023, Công ty đã thực hiện đầu tư và giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích được quy hoạch tại khu công nghiệp Thái Hòa-Liễn Sơn, Liên Hòa theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ), dự kiến tiền giải phóng mặt bằng sẽ được bù trừ với tiền thuê đất trong tương lai. Tuy nhiên, theo quyết định trong năm 2023 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc, một số phần diện tích chưa bàn giao tại khu công nghiệp Thái Hòa-Liễn Sơn, Liên Hòa cho Công ty đã được bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Amane, là chủ đầu tư khu công nghiệp. Theo đó việc thực hiện dự án của Công ty sẽ được thực hiện thông qua hình thức thuê lại đất của chủ đầu tư Khu công nghiệp. Về kinh phí Công ty đã ứng trước để thực hiện giải phóng mặt bằng tại khu công nghiệp Thái Hòa-Liễn Sơn, Liên Hòa, Công ty Cổ phần Đầu tư Amane có trách nhiệm hoàn trả kinh phí giải phóng mặt bằng hoặc đối trừ vào tiền thuê cơ sở hạ tầng nếu Công ty có nhu cầu. Hiện tại Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Amane vẫn đang trong quá trình đàm phán và sẽ thống nhất phương án hoàn trả kinh phí giải phóng mặt bằng hoặc đối trừ vào tiền thuê cơ sở hạ tầng sau khi Công ty Cổ phần Đầu tư Amane đủ điều kiện cho thuê và hoàn thiện các thủ tục pháp lý của dự án.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	42.707.163.229	-	168.893.468.173	-
Nguyên vật liệu	254.739.245.369	(8.107.147.000)	191.386.232.566	(8.107.147.000)
Công cụ và dụng cụ	50.919.239	-	13.781.018	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.371.842.843	-	39.221.088.175	-
Sản phẩm	333.674.377.452	(13.331.193.631)	232.974.410.886	(11.085.886.533)
Hàng hóa	3.593.967.038	-	4.815.725.168	-
Hàng gửi đi bán	39.361.739.749	-	58.082.205.675	-
	699.499.254.919	(21.438.340.631)	695.386.911.661	(19.193.033.533)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 38.375 triệu VND (1/1/2026: 35.663 triệu VND) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, hàng tồn kho có giá gốc là 699.499 triệu VND (1/1/2026: 695.387 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay, bảo lãnh và tài trợ thương mại của Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	217.205.164.553	1.276.633.912.774	68.570.137.134	1.169.498.958	1.563.578.713.419
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.346.980.513	15.851.398.469	4.882.541.963	-	38.080.920.945
Thanh lý	-	-	(1.266.412.182)	-	(1.266.412.182)
Số dư cuối kỳ	234.552.145.066	1.292.485.311.243	72.186.266.915	1.169.498.958	1.600.393.222.182
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	147.001.031.315	872.357.044.440	41.294.786.070	758.858.049	1.061.411.719.874
Khấu hao trong kỳ	8.476.111.352	53.970.095.310	4.328.727.395	112.354.164	66.887.288.221
Thanh lý	-	-	(1.168.330.824)	-	(1.168.330.824)
Số dư cuối kỳ	155.477.142.667	926.327.139.750	44.455.182.641	871.212.213	1.127.130.677.271
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	70.204.133.238	404.276.868.334	27.275.351.064	410.640.909	502.166.993.545
Số dư cuối kỳ	79.075.002.399	366.158.171.493	27.731.084.274	298.286.745	473.262.544.911

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 635.346 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 620.103 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 382.463 triệu VND (1/1/2026: 419.805 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.



Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	35.684.861.440	729.300.000	36.414.161.440
Tăng trong kỳ	-	395.000.000	395.000.000
Số dư cuối kỳ	35.684.861.440	1.124.300.000	36.809.161.440
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	9.080.279.052	390.300.000	9.470.579.052
Khấu hao trong kỳ	1.144.175.556	57.048.608	1.201.224.164
Số dư cuối kỳ	10.224.454.608	447.348.608	10.671.803.216
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	26.604.582.388	339.000.000	26.943.582.388
Số dư cuối kỳ	25.460.406.832	676.951.392	26.137.358.224

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 164 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 164 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	309.235.761.983	7.542.113.529
Tăng trong kỳ	111.794.503.462	40.023.585.362
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(38.080.920.945)	(18.132.650.639)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ	(6.233.138.596)	(1.214.449.087)
Biến động khác	(63.204.230)	-
Số dư cuối kỳ	376.653.001.674	28.218.599.165

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Hệ thống máy ép bigslab	99.044.156.495	98.841.095.778
Hệ thống dây chuyền mài gạch khổ lớn	34.843.103.159	20.004.117.256
Hệ thống máy in kỹ thuật số dây chuyền gạch khổ lớn	26.958.347.351	26.945.477.351
Dây chuyền in tráng men gạch khổ lớn	25.556.760.883	25.003.764.719
Cải tạo lò cho dây chuyền bigslab	23.501.483.105	20.313.055.935
Nhà văn phòng AMYGRES	21.449.401.424	5.348.851.902
Hệ thống tháp công nghệ gạch khổ lớn	16.056.018.305	14.830.287.493
Cải tạo GM dây chuyền bigslab	15.825.478.111	11.245.788.451
Các hạng mục khác	113.418.252.841	86.703.323.098
	376.653.001.674	309.235.761.983

19. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	8.630.475.848	16.557.629.592
Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	13.323.230.244	3.132.027.089
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.254.027.060	253.659.364
	24.207.733.152	19.943.316.045

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa TSCĐ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.581.609.619	1.962.301.373	38.697.520	3.582.608.512
Tăng trong kỳ	-	6.233.138.596	249.530.000	6.482.668.596
Phân bổ trong kỳ	(767.752.622)	(984.304.736)	(47.194.061)	(1.799.251.419)
Số dư cuối kỳ	813.856.997	7.211.135.233	241.033.459	8.266.025.689

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20%	9.315.132.166	15.133.731.701
Chi phí phải trả ngắn hạn	20%	3.000.000.000	-
Dự phòng phải thu khó đòi	20%	436.650.404	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	449.061.420	-
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	20%	999.523.383	-
Tiền gửi không kỳ hạn	20%	15.190.765	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		14.215.558.138	15.133.731.701
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Hàng tồn kho	20%	(7.612.868.517)	(11.609.442.223)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(7.612.868.517)	(11.609.442.223)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		6.602.689.621	3.524.289.478

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

21. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Bên liên quan – các công ty con		
Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn	5.356.800	52.847.634.504
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT	-	14.144.683.813
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh	9.950.650.932	-
Công ty Cổ phần PMT.P&E	8.803.080.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu nhựa	7.679.045.663	992.730.592
Công ty Cổ phần Đầu tư Amane	125.411.969	286.649.927
Bên khác		
IVICT (Singapore) Pte., Ltd	57.421.194.491	246.483.302.872
Xincheng International (Hong Kong) Co., Ltd	47.907.464.410	32.325.443.670
Các công ty khác	308.131.189.948	726.903.655.970
	440.023.394.213	1.073.984.101.348

Khoản phải trả thương mại đối với công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 360 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

22. Người mua trả tiền trước

(a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Bên liên quan – công ty con		
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT	-	63.370.850.091
Bên khác		
Công ty TNHH Tuan Tsuki Việt Nam	510.042.000	510.042.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyên vật liệu Mới	300.000.000	600.000.000
Trung Việt	549.922.837	1.692.460.000
Các khách hàng khác		
	1.359.964.837	66.173.352.091
	1.359.964.837	66.173.352.091

(b) Người mua trả tiền trước phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	1.359.964.837	2.873.352.000
Dài hạn	-	63.300.000.091
	1.359.964.837	66.173.352.091
	1.359.964.837	66.173.352.091

23. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	(5.764.121.662)	47.282.253.369	(47.282.253.369)	(5.764.121.662)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	65.423.966	25.506.638.636	(25.506.638.636)	65.423.966
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.752.095.805	(1.868.828.113)	(116.732.308)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	181.113.123.527	72.339.590.864	(181.113.123.527)	72.339.590.864
Thuế thu nhập cá nhân	9.586.310.830	(716.091.414)	(9.850.789.991)	(980.570.575)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(4.572.577.221)	-	-	(4.572.577.221)
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	1.771.584.863	(1.771.584.863)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(262.900.000)	199.884.113	68.620.887	5.605.000
	180.165.259.440	148.135.956.236	(267.324.597.612)	60.976.618.064
Trong đó:				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(10.599.598.883)			(11.434.001.766)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	190.764.858.323			72.410.619.830

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí bản quyền	13.351.204.570	30.150.567.750
Lương tháng 13	15.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	1.976.607.657	1.573.116.568
Chi phí khác	7.103.684.421	4.293.193.795
	37.431.496.648	36.016.878.113

25. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí vận chuyển	2.178.120.864	2.657.985.287
Kinh phí công đoàn	606.265.351	334.192.901
Quỹ nhân ái	338.266.760	676.480.160
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	5.577.900.491
Chi phí khác	477.123.291	2.663.269.272
	3.599.776.266	11.909.828.111

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

26. Vay ngắn hạn

Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	
		VND	VND
1/1/2026	Tăng		30/6/2026
VND	VND		VND
1.730.046.457.856	2.097.530.783.490	(1.952.564.530.585)	1.870.718.370.732

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn		Loại tiền		Lãi suất năm		30/6/2026		1/1/2026	
						VND		VND	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên		VND		6,4% - 7,7%		588.252.481.486		336.932.791.949	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc		VND		6,8% - 7,0%		334.184.020.643		688.561.295.308	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc		VND		6,4% - 7,7%		307.241.043.088		64.962.240.288	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc		USD		4,3% - 4,4%		290.853.664.733		12.024.577.156	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc		VND		6,2% - 7,2%		188.575.655.416		170.289.493.279	
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc		VND		7,00%		149.919.259.409		149.820.446.627	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc		USD		3,95%		11.692.245.957		-	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên		USD		-		-		175.067.145.163	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc		USD		-		-		132.388.468.086	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc		USD							
						1.870.718.370.732		1.730.046.457.856	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng các khoản đầu tư tài chính, phải thu ngắn hạn của khách hàng, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị ghi sổ lần lượt là 478.395 triệu VND (1/1/2026: 410.531 triệu VND) (Thuyết minh số 10), 834.453 triệu VND (1/1/2026: 1.076.481 triệu VND) (Thuyết minh số 11), 699.499 triệu VND (1/1/2026: 695.387 triệu VND) (Thuyết minh số 15) và 382.463 triệu VND (1/1/2026: 419.805 triệu VND) (Thuyết minh số 16).

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025				
Lợi nhuận thuần trong kỳ - chưa soát xét	870.389.000.000	-	1.014.601.184.465	1.884.990.184.465
Trả cổ tức bằng tiền - chưa soát xét	-	-	343.965.316.836	343.965.316.836
	-	-	(508.000.000.000)	(508.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 – chưa soát xét	870.389.000.000	-	850.566.501.301	1.720.955.501.301
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026				
Lợi nhuận thuần trong kỳ	1.070.050.530.000	-	430.286.103.140	1.500.336.633.140
Chi phí phát hành chứng khoán	-	-	293.392.884.646	293.392.884.646
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 29)	374.517.580.000	(1.540.890.600)	-	(1.540.890.600)
	-	-	(374.517.580.000)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	1.444.568.110.000	(1.540.890.600)	349.161.407.786	1.792.188.627.186



Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	144.456.811	1.444.568.110.000	107.005.053	1.070.050.530.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	144.456.811	1.444.568.110.000	107.005.053	1.070.050.530.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	144.456.811	1.444.568.110.000	107.005.053	1.070.050.530.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ông Lương Văn Mỹ	40.635.365	28,13%	30.100.271	28,13%
Ông Đinh Quốc Tuấn	37.191.691	25,75%	27.549.401	25,75%
Ông Trần Tuấn Đại	35.814.220	24,79%	26.529.052	24,79%
Ông Trần Ngọc Anh	11.019.759	7,63%	8.162.785	7,63%
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	8.264.820	5,72%	6.122.089	5,72%
Các đối tượng khác	11.530.956	7,98%	8.541.455	7,98%
	144.456.811	100%	107.005.053	100%

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	1.070.050.530.000	870.389.000.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (Thuyết minh 29)	374.517.580.000	-
Số dư cuối kỳ	1.444.568.110.000	870.389.000.000S

29. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 3 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 35%, theo đó cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 35 cổ phiếu phát hành thêm. Sau khi thực hiện phương án trên, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 37.451.758 cổ phiếu để trả cổ tức tương đương 374.517.580.000 VND.

30. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Ngoại tệ

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.950.794	51.201.056.307	133.337	3.486.307.544

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	2.729.056.331.541	2.435.821.116.484
▪ Bán hàng hóa	292.735.269.425	318.732.437.039
▪ Cung cấp dịch vụ	7.477.177.302	5.864.991.154
▪ Doanh thu khác	3.959.261.827	2.444.946.624
	3.033.228.040.095	2.762.863.491.301
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(57.443.013.739)	(82.358.806.285)
▪ Giảm giá hàng bán	(2.912.652.094)	(745.315.101)
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(131.519.886)
	(60.355.665.833)	(83.235.641.272)
Doanh thu thuần	2.972.872.374.262	2.679.627.850.029

32. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	2.148.151.895.497	1.808.626.442.817
▪ Hàng hoá đã bán	290.969.374.943	321.378.302.759
▪ Dịch vụ đã cung ứng	1.659.942.978	582.879.064
Trích lập dự phòng hàng tồn kho	2.245.307.098	-
	2.443.026.520.516	2.130.587.624.640

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi, trái phiếu	30.247.820.793	14.607.807.673
Lãi cho vay	8.423.555.379	7.601.352.327
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.400.000.000	17.850.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.645.368.434	36.861.597.412
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.456.386.587	-
	83.173.131.193	76.920.757.412

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	48.337.414.064	27.725.444.318
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.013.084.752	8.496.850.124
Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con	4.997.616.913	-
Chi phí dịch vụ bao thanh toán	2.336.146.387	4.326.470.587
Chi phí tài chính khác	-	28.386.591
	61.684.262.116	40.577.151.620

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí dịch vụ bán hàng và ủy thác xuất khẩu	45.601.917.369	57.668.870.374
Chi phí vận chuyển	59.250.038.875	41.432.942.970
Chi phí quảng cáo, marketing	23.432.261.159	4.611.337.524
Các khoản chi phí bán hàng khác	9.347.108.533	6.084.570.680
	137.631.325.936	109.797.721.548

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	24.583.847.100	22.178.115.216
Chi phí vật liệu quản lý	768.040.372	223.549.267
Chi phí đồ dùng văn phòng	185.017.865	716.031.178
Chi phí khấu hao	4.615.256.638	1.864.788.354
Thuế, phí và lệ phí	2.367.740.358	6.692.685.514
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.183.252.021	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.432.037.425	6.568.307.248
Chi phí bằng tiền khác	5.276.828.458	4.313.775.713
	57.412.020.237	42.557.252.490

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

37. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Xử lý hàng tồn kho thừa từ kiểm kê	6.147.689.348	318.192.886
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	317.629.921	125.487.478
Tiền phạt thu được	37.469.162	30.542.003
Các khoản thu nhập khác	32.382.053	33.659.898
	6.535.170.484	507.882.265

38. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Các khoản truy thu, phạt thuế, chậm nộp thuế	11.955.113	4.242.477.809
Các chi phí khác	160.516.654	155.238.519
	172.471.767	4.397.716.328

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu	1.687.107.436.904	1.481.493.595.596
Chi phí giá vốn hàng thương mại	290.969.374.943	321.378.302.759
Chi phí nhân viên	148.277.700.776	139.372.259.525
Chi phí khấu hao	68.088.512.385	67.738.924.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	408.180.154.966	295.772.276.492
Chi phí bằng tiền khác	42.170.056.681	16.662.774.910
	2.644.793.236.655	2.322.418.133.449

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	72.339.590.864	93.869.546.553
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(3.078.400.143)	(8.695.840.309)
Chi phí thuế thu nhập	69.261.190.721	85.173.706.244

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	362.654.075.367	429.139.023.080
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	72.530.815.072	85.827.804.616
Chi phí không được khấu trừ thuế	908.509.749	1.465.991.582
Thu nhập không bị tính thuế	(4.080.000.000)	(3.570.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận	(98.134.100)	1.449.910.046
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	69.261.190.721	85.173.706.244

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Ông Lương Văn Mỹ - Cổ đông		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	105.350.940.000	-
Nhận cổ tức	-	136.799.502.654
Ông Đinh Quốc Tuấn - Cổ đông		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	96.422.900.000	-
Nhận cổ tức	-	125.206.324.269
Ông Trần Tuấn Đại - Cổ đông		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	92.851.680.000	-
Nhận cổ tức	-	120.569.054.027
Ông Trần Ngọc Anh - Cổ đông		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	28.569.740.000	-
Nhận cổ tức	-	37.098.173.029
Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Cổ đông		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	21.427.310.000	-
Nhận cổ tức	-	27.823.626.999
Công ty con		
Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	122.232.272.414	19.407.161.643
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.829.559.368	33.065.959.182
Thanh lý tài sản cố định	-	2.134.089.229
Cho vay dài hạn	-	61.700.000.000
Cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
Lãi từ hoạt động cho vay	3.809.309.588	7.597.894.683
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera		
Mua hàng hóa	57.108.776.273	50.243.072.923
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	154.688.044.669	219.099.646.225
Thu tiền cổ tức	20.400.000.000	17.850.000.000
Thanh lý tài sản cố định	-	409.090.909
Lãi từ hoạt động cho vay	4.463.013.699	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT		
Mua hàng hóa và dịch vụ	64.499.307.039	56.193.703.209
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	326.637.693.548	397.359.420.410
Chiết khấu thương mại	57.443.013.739	82.358.806.285
Giảm giá hàng bán	439.827.763	494.953.901



Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Các bên liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	127.081.604.557	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.169.927.247	-
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu Nhựa</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.110.227.466	12.916.727.187
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	43.780.812.481	412.181.818
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Amane</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	765.386.475	643.706.506
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	133.733.397	60.346.626
<i>Công ty Cổ phần PMT.P&E</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	26.905.388.890	-

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		
Lương Văn Mỹ	809.024.322	700.698.000
Đình Quốc Tuấn	791.517.273	711.648.000
Trần Tuấn Đại	791.517.273	711.648.000
Trần Ngọc Anh	629.679.258	566.273.372
Ban kiểm soát		
Dương Phú Đạt	110.291.326	-
Nguyễn Thị Thu Hương	11.247.953	-
Nguyễn Thị Thanh Hòa	59.386.611	-

42. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Công văn số 32/2026/CV-AMY ngày 2 tháng 7 năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ, Công ty đã công bố chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO). Theo đó, 16.100.000 cổ phiếu được chào bán ra công chúng theo phương thức chào bán theo giá cố định là 48.900 VND/cổ phiếu. Thời gian nhận đăng ký mua và tham gia đấu giá từ ngày 9 tháng 7 năm 2026 đến ngày 12 tháng 8 năm 2026, với mức đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phiếu đăng ký mua. Tuy nhiên, theo Công văn số 48/2026/CV ngày 10 tháng 8 năm 2026, Công ty đã điều chỉnh gia hạn thời gian nhận đăng ký mua cổ phiếu đến ngày 9 tháng 9 năm 2026.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Theo phương án công bố, Công ty dự kiến huy động 787.290.000.000 VND từ đợt chào bán này với mục đích nâng cao năng lực tài chính của Công ty, trả nợ vay và bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty sẽ thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) dự kiến vào khoảng tháng 10 năm 2026.

43. Thông tin so sánh

Trừ trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025; thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được soát xét.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 99. Một số số liệu thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 cũng được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

	Mã số	1/1/2026	1/1/2026
		Đã phân loại lại	Theo báo cáo
		VND	trước đây
			VND
Các khoản tương đương tiền	112	243.307.633.883	241.697.252.691
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	904.329.115.938	826.874.706.542
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	66.279.552.178
Phải thu ngắn hạn khác	135	22.125.525.246	34.910.763.656
Phải thu về cho vay dài hạn		-	153.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	162.300.000.000	9.000.000.000

Phê duyệt, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Người lập

Đặng Thị Hương
Người lập

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Nga
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

